

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2026.

V/v: “ Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

- *Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thẩm phán.
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Quốc Tiến**.
2. Ông **Trần Đăng Khoa**.
- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – An Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương S :

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thanh Th** , sinh năm 1999. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Tổ 1, ấp Phước Ninh, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang.**

Bị đơn: Ông **Bùi Minh S** , sinh năm 1999. (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Số 81 Tổ 02, khu phố Phú Hòa, P. Vĩnh Th , tỉnh An Gi .**

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong qqwas trình giải quyết vụ án Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh Th trình bày:** Trước đây tôi và ông S tự quen biết và tìm hiểu nhau, sau đó tổ chức lễ cưới

theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phi Th , TP. Rạch G , tỉnh Kiên Giang (**Nay là phường Vĩnh Th , tỉnh An Gi**) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2022.

Lý do xin ly hôn của bà Phạm Thanh Th trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình đôi bên không hợp nhau, chồng tôi đi làm nhưng không chu cấp kinh tế để cùng tôi nuôi con, cũng không tiếp tôi chăm sóc con, vợ chồng thường xuyên cãi vã bất đồng quan điểm, tôi đã cố gắng hàn gắn vợ chồng nhưng không được, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông S .

Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Phạm Nhã Uyên, sinh ngày 03/7/2024. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Bùi Minh S :** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh Th và bị đơn ông Bùi Minh S vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương S tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Bộ luật tố tụng dân S và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2015/QH15.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh Th đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Bùi Minh S Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt mà không vì S kiện bất khả kháng, hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S , tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh Th và bị đơn ông Bùi Minh S nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phi Th, TP. Rạch G, tỉnh Kiên Giang (Nay là phường Vĩnh Th, tỉnh An Gi) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2022, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Th trình bày nguyên nhân là do ông S và bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống, ông S không đi làm để lo cho kinh tế gia đình một mình bà phải đi làm để cho cả gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi không còn hạnh phúc và không còn hòa hợp như trước đây. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình. Tuy nhiên bà Loan và ông Giang đã tự ly thân chứng tỏ giữa vợ và chồng thực S có mâu thuẫn với nhau, thời gian ly thân kéo dài từ tháng 9 năm 2024 đến nay vẫn không đoàn tụ được, đồng thời trong thời gian giải quyết vụ án ông S cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu ly hôn của bà Th. Do vậy căn cứ để Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa Bà Th và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Phạm Nhã Uyên, sinh ngày 03/7/2024. Bà Th yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà Th không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà Th phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Bùi Minh S, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân S quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “*Đương S phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho S phản đối đó*”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông S không có S phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông S có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông S có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273, Điều 91, Bộ luật tố tụng dân S năm 2015. khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2015/QH15.

Áp dụng, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thanh Th đối với ông Bùi Minh S .

2. Về con chung: Bà Th xác định 03 con chung tên Dương Thị Ánh Trân, sinh năm 1991, Dương Thị Bích Thùy, sinh năm 1994, Dương Lê Công Thuần, sin năm 2000, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008039 ngày 10/11/2025 nên Bà Th không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày các đương S nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1
- TAND Tỉnh An Giang
- VKSND Tỉnh An Giang
- CQTHA Khu vực 1
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG
---☪---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---☪---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút ngày 28 tháng 01 năm 2026.
Tại trụ sở TAND Khu vực 1 tỉnh An Giang
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Thị Ngân** và bà **Chung Kim Sang**.
Tiến hành nghị án vụ án dân S thụ lý số 327/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn “ giữa:
Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh Th** , sinh năm 1967.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Số 184 Cách Mạng Tháng 8, P. Rạch Giá, Tỉnh An Giang.
Bị đơn: Ông **Bùi Minh S** , sinh năm 1965. (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Số 184 Cách Mạng Tháng 8, P. Rạch Giá, Tỉnh An Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TH LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273, Điều 91, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2015/QH15.

Áp dụng, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thanh Th đối với ông Bùi Minh S .

2. Về con chung: Bà Th xác định 03 con chung tên Dương Thị Ánh Trân, sinh năm 1991, Dương Thị Bích Thùy, sinh năm 1994, Dương Lê Công Thuần, sin năm 2000, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008039 ngày 10/11/2025 nên Bà Th không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa